TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 07/5/2025
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị An

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Kim Phụng và ông Nguyễn Văn Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N guyễn Út N, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp Cây D, xã Long Đ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Ông Phan Văn M, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp Cây D, xã Long Đ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

(*Bà N có đơn xét xử vắng mặt, ông M vắng mặt không lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2025, lời khai trong quá trình tố tụng, Bà N guyễn Út N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Trạch Trạch A, huyện Đông Hải ngày 15/3/2012, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức cưới gả theo phong tục, tập quán ở địa phương.

Nguyên nhân ly hôn do ông M không chăm lo cho gia đình, chỉ lo chơi bời, bạn bè, trai gái, bà và các con đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông không thay đổi,

tiếp tục lối sống ăn chơi. Từ tháng 10 năm 2024 âm lịch ông M đã bỏ bà và các con đi sống với người phụ nữ khác. Bà N ói với ông nếu không thay đổi bà sẽ ly hôn với ông thì ông nói bà viết đơn đi ông đồng ý ký. Khi bà gửi đơn ly hôn tại Tòa án, bà có điện thoại để thông báo cho ông nhưng ông đã chặn cuộc gọi của Bà N ên hiện nay bà không liên lạc được với ông.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Phan Thị L, sinh ngày 10/8/1991 và Phan Minh V, sinh ngày 20/02/1995, hiện các con đã trưởng thành, có gia đình và sống tự lập nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

Đối với ông Phan Văn M: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông M vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa; Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho Bà N guyễn Út N được ly hôn ông Phan Văn M; Về án phí: Bà N phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà N guyễn Út N có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với ông Phan Văn M. Ông M có địa chỉ cư trú tại xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện huyện Đông Hải.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà N có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông M chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã An Trạch A cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên hôn nhân của Ông Bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu của Bà N xin ly hôn ông M: Hội đồng xét xử căn cứ biên bản lấy lời khai của Bà N về lý do xin ly hôn xác định mối quan hệ hôn nhân của Bà N và ông M có nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp trong cuộc sống nên Ông Bà đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm lo cuộc sống cho nhau từ tháng 10 năm 2024 âm lịch; sự vắng mặt của ông M tại buổi công khai chứng cứ và hòa giải cho thấy ông M không có thiện chí hòa giải hàn gắn; từ đó xác định mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà N đối với ông M theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Các con đã trưởng thành và sống tự lập nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình: Bà N phải nộp án phí 300.000 đồng.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà N guyễn Út N, cho Bà N guyễn Út N được ly hôn với ông Phan Văn M.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005471 ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải;*
- *Uỷ ban nhân dân xã An Trạch;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP; Lưu hồ sơ vụ việc*

Đỗ Thị An